

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

A: 19
H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch (22433504)

Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 19...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240161	Trần Thị Tuyết	19/06/2003	CCQ2124F		<i>Trần Thị Tuyết</i>	7,5	3,9	5,3	
2	2122240134	Nguyễn Thị Ngọc	06/12/1997	CCQ2224E			9,2			
3	2122240193	Dương Thị Bảo	26/12/2004	CCQ2224F		<i>Chau</i>	8,7	5,4	6,7	
4	2121200094	Lê Nguyễn Anh	23/11/2002	CCQ2124F		<i>Ano</i>	8,5	6,6	7,4	
5	2121200093	Lê Nguyễn Hồng	16/06/2001	CCQ2124F		<i>Dao</i>	10,0	8,2	8,9	
6	2122240004	Nguyễn Tấn	27/08/2000	CCQ2224A		<i>Đạt</i>	10,0	8,7	9,2	
7	2121240059	Lê Thị	10/02/2003	CCQ2124B		<i>Giang</i>	7,7	3,2	5,0	
8	2122240096	Phạm Thị Thu	31/07/2004	CCQ2224D		<i>Hà</i>	8,7	4,8	6,4	
9	2121240132	Đặng Thị Ngọc	14/03/2003	CCQ2124E		<i>Hân</i>	8,9	6,4	7,4	
10	2123240167	Nguyễn Thị Xuân	30/07/2005	CCQ2324F			0,0			
11	2122240165	Lê Diễm	04/10/2004	CCQ2224E		<i>Loan</i>	7,6	3,6	5,2	
12	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc	29/05/2004	CCQ2224E		<i>Loan</i>	9,7	8,6	9,0	
13	2122240070	Nguyễn Vũ Hà	13/05/2004	CCQ2224C		<i>Thang</i>	8,2	4,3	5,9	
14	2122240089	Nguyễn Thị Ánh	10/02/2004	CCQ2224C		<i>Ánh</i>	9,6	7,3	8,2	
15	2122240079	Hồ Thị Mỹ	09/09/2004	CCQ2224C		<i>Nhân</i>	8,3	2,8	5,0	
16	2120240223	Đỗ Thị Tuyết	07/09/2002	CCQ2024G		<i>Nhi</i>	9,0	4,8	6,5	
17	2122240062	Ông Thị Thiên	04/10/2004	CCQ2224B		<i>Thiên</i>	8,4	4,7	5,0	
18	2122240024	Nguyễn Tú	20/01/2004	CCQ2224A		<i>Tú</i>	8,2	2,8	5,0	
19	2123240089	Nguyễn Ngọc Trinh	28/01/2005	CCQ2324C		<i>Trinh</i>	9,2	5,0	6,7	
20	2121240011	Võ Thị Bích	25/02/2003	CCQ2124A		<i>Phượng</i>	8,2	3,1	5,1	
21	2122240058	Ngô Nguyễn Thanh	29/05/2004	CCQ2224B		<i>Thi. Gouyer</i>	8,7	5,0	6,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 17
H: 3

Môn học: Phiên dịch (22433504)

Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

C.Loan

Phan Thị Thu

Nguyễn Thanh Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240091	Đỗ Ngọc Như	Quỳnh	13/04/2004	CCQ2224C	2	ĐML	9,5	6,3	7,6
2	2122240167	Nguyễn Lâm Như	Quỳnh	26/09/2004	CCQ2224E	2	ĐML	8,2	5,0	6,3
3	2120100351	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/05/2002	CCQ2024H	2	ĐML	9,7	3,4	5,9
4	2122240060	Vũ Thị Trúc	Quỳnh	27/10/2004	CCQ2224B	2	ĐML	9,2	6,1	7,3
5	2122240177	Nguyễn Thị Lệ	Sương	26/01/2004	CCQ2224F	2	ĐML	7,8	4,4	5,8
6	2122240009	Đỗ Thị	Thảo	09/03/2000	CCQ2224A	2	ĐML	10,0	4,6	6,8
7	2122240204	Huỳnh Thị Kiều	Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C	2	ĐML	6,8	1,2	3,4
8	2122240090	Đặng Trần Anh	Thư	24/11/2004	CCQ2224C	2	ĐML	8,7	7,3	7,9
9	2120240227	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	03/03/2002	CCQ2024G	2	ĐML	9,1	3,9	6,0
10	2122240059	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trâm	19/06/2004	CCQ2224B	2	ĐML	8,6	4,0	5,8
11	2122240082	Phạm Thị Huyền	Trâm	16/09/2004	CCQ2224C	2	ĐML	6,5	2,6	4,2
12	2122240012	Hồ Thị Quế	Trân	25/07/2002	CCQ2224A	2	ĐML	8,5	5,4	6,6
13	2122240132	Trần Thị Huyền	Trang	15/04/2004	CCQ2224E	2	ĐML	7,1	4,2	5,4
14	2123240126	Nguyễn Lê Tuyết	Trinh	23/09/2003	CCQ2324E	2	ĐML	8,0	2,1	4,5
15	2122240063	Đạo Thanh	Trường	28/01/2004	CCQ2224C	2	ĐML	10,0	7,0	8,2
16	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	CCQ2224B	2	ĐML	8,3	4,7	6,1
17	2122240076	Bùi Thị Tuyền	Vi	22/10/2004	CCQ2224C	2	ĐML	7,5	5,3	6,2
18	2123240073	Nguyễn Thị Cẩm	Vi	06/07/2005	CCQ2324C	2	ĐML	8,3	3,8	5,6
19	2122240145	Phạm Yến	Vy	05/10/2003	CCQ2224E	2	ĐML	8,9	6,8	7,6
20	2122240064	Trương Thị Ngân	Vy	01/02/2003	CCQ2224C	2	ĐML	9,7	5,4	7,1